TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 75/2024/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 31 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 29, Điều 212, Điều 213, Điều 396, Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016);

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 57, Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 25/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Lê Thị Chi L, sinh năm 1975; Địa chỉ: A T, khu phố E, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Trần Văn H, sinh năm 1971; Địa chỉ: A T, khu phố E, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Chi L và ông Trần Văn H là loại việc hôn nhân và gia đình, không có tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo thủ tục sơ thẩm, được qui định tại Khoản 2 Điều 29, Điều 396 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Lê Thị Chi L và ông Trần Văn H xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, Quận H, Thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 52KH, quyển số 01/97 ngày 22/8/1997. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, không có khả năng đoàn tụ, mục

đích hôn nhân không đạt được, nên bà L và ông H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy tình cảm giữa bà Lê Thị Chi L và ông Trần Văn H đã thật sự không còn, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của bà Lê Thị Chi L và ông Trần Văn H là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, nên chấp nhận.

[2] Về con chung:

Bà Lê Thị Chi L và ông Trần Văn H xác nhận trong quá trình chung sống có 02 (hai) con chung tên Trần Lê Mỹ P (nữ), sinh ngày 05/11/1997 và Trần Tuấn H1 (nam), sinh ngày 10/7/2002, cả hai đều đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Bà Lê Thị Chi L và ông Trần Văn H xác nhận tự thỏa thuận nên không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Lê Thị Chi L và ông Trần Văn H cam kết không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[5] Về lệ phí việc dân sự: Bà Lê Thị Chi L và ông Trần Văn H chịu lệ phí theo quy định về lệ phí, án phí của Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Chi L và ông Trần Văn H thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 52KH, quyển số 01/97 cấp ngày 22/8/1997 tại Ủy ban nhân dân phường B, Quận H, Thành phố H).

- Về con chung: Bà Lê Thị Chi L và ông Trần Văn H có 02 (hai) con chung tên Trần Lê Mỹ P (nữ), sinh ngày 05/11/1997 và Trần Tuấn H1 (nam), sinh ngày 10/7/2002, cả hai đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự cam kết không có nợ chung.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Chi L và ông Trần Văn H phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số

AA/2023/0037826 ngày 09/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp.HCM;
- Nơi cấp giấy chứng nhận kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS (Vân Anh.TK).

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Bùi Tường Vân